

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 16-7-2024
V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc,
tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý
số 229/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-
DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-
DS ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hòa Văn Q**, sinh năm 1968

Địa chỉ: **Số nhà A đường A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn T** sinh năm: 1975

Địa chỉ: **Thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

(Nguyên đơn ông **Q** có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn ông **T** vắng mặt không
có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông
Hòa Văn Q trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 14/12/2022 ông **Q** có cho ông
Trần Văn T vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), sau đó mấy ngày ông
T lại tiếp tục vay của ông **Q** số tiền 30.000.000 (bạn mươi triệu) đồng. Tổng cộng
cả 02 lần ông **T** đã vay của ông **Q** số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
Việc vay tiền hai bên có lập giấy mượn tiền mẫu đánh máy điền thông tin viết tay,
ông **T** có ký, ghi họ tên phía người vay tiền bên dưới giấy mượn tiền, lãi suất thỏa
thuận miệng, thời hạn thanh toán nợ ghi trong giấy từ ngày 14/12/2022 đến ngày
14/01/2023. Hết thời hạn thanh toán tiền ông **Q** đã nhiều lần yêu cầu ông **T** trả

tiền nhưng ông T chỉ khát nợ chứ không trả tiền, sau đó thì không nghe máy và không gặp ông Q nữa nên từ đó cho đến nay ông T vẫn chưa trả tiền cho ông Q.

Nay ông Q yêu cầu buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay nợ gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T có bản trình bày thể hiện ý kiến như sau:

Ông thừa nhận vào năm 2022 ông có mượn của ông Q số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận, hẹn sau vài tháng sẽ trả cả gốc lẫn lãi nhưng do làm ăn thua lỗ nên ông chưa có tiền trả tiền nợ gốc và lãi cho ông Q được mặc dù ông Q đã đòi nhiều lần.

Nay ông đồng ý trả số tiền nợ cho ông Q là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Q có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn ông Trần Văn T không có mặt mặc dù đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổ tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

+ Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hòa Văn Q. Buộc ông Trần Văn T phải trả cho ông Hòa Văn Q số tiền vay là 60.000.000 đồng; về lãi suất ông Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí đề nghị buộc ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Hòa Văn Q khởi kiện đòi số tiền cho vay đối với ông Trần Văn T. Do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Hòa Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn T mặc dù đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không tham dự phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án là bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 14/12/2022 có thể hiện ông Trần Văn T vay của ông Hòa Văn Q số tiền 60.000.000 đồng và đều đã được hai bên thừa nhận. Việc giao dịch giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án công nhận hợp đồng vay tiền giữa ông Q và ông T là có thật và hợp pháp nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa ông Hòa Văn Q và ông Trần Văn T thì trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 14/12/2022 thì ông T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận cho ông Q. Tuy nhiên, khi đến hạn ông T không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông Q mặc dù ông Q đã đòi nhiều lần. Nay ông T cũng đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Q. Tuy nhiên, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, HĐXX xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Hòa Văn Q là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Về tính lãi suất: Ông Hòa Văn Q không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Hòa Văn Q được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hòa Văn Q** về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông **Trần Văn T**.

2. Buộc ông **Trần Văn T** có trách nhiệm trả cho ông **Hòa Văn Q** số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông **Trần Văn T** phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông **Hòa Văn Q** số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005995 ngày 01/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Lê Thị Thanh Nhàn Nguyễn Thị
Kim Huế**

Lê Thị Hòa

